

A. TIỀN GỬI VND

I Tiền gửi trực tuyến				II Tiền gửi lãi suất linh hoạt trực tuyến							
Kỳ hạn	Lãi cuối kỳ	Lãi tháng	Lãi trước	Kỳ hạn	Mức gửi (triệu đồng)/ Lãi cuối kỳ					Từ 1 tỷ trở lên	
01 Tuần	0.30	-	-		Từ 01 đến dưới 100	Từ 100 đến dưới 300	Từ 300 đến dưới 500	Từ 500 đến dưới 1 tỷ			
02 Tuần	0.30	-	-								
03 Tuần	0.30	-	-								
01 Tháng	4.75	-	4.73		Từ 07 đến 30 ngày	0.30					
02 Tháng	4.75	4.74	4.71		Từ 31 đến 91 ngày	4.75	4.75	4.75	4.75		4.75
03 Tháng	4.75	4.73	4.69		Từ 92 đến 183 ngày	4.75	4.75	4.75	4.75		4.75
04 Tháng	4.75	4.72	4.67		Từ 184 đến 243 ngày	6.70	6.71	6.72	6.73		6.74
05 Tháng	4.75	4.71	4.65		Từ 244 đến 303 ngày	6.70	6.71	6.72	6.73		6.74
06 Tháng	6.70	6.61	6.48	Từ 304 đến 364 ngày	6.70	6.71	6.72	6.73	6.74		
07 Tháng	6.70	6.59	6.45								
08 Tháng	6.70	6.57	6.41								
09 Tháng	6.70	6.55	6.38								
10 Tháng	6.70	6.54	6.35								
11 Tháng	6.70	6.52	6.31								
12 Tháng	6.90	6.69	6.45								
15 Tháng	6.70	6.45	6.18								
18 Tháng	6.70	6.40	6.09								
24 Tháng	6.70	6.30	5.91								
III Tiền gửi, tiết kiệm thông thường				III Tài khoản thanh toán, Tiền gửi không kỳ hạn		Tài khoản gói kinh doanh		IV Tiết kiệm Cộng Hưởng			
Kỳ hạn	Lãi cuối kỳ	Lãi quý	Lãi tháng	Lãi trước	Không kỳ hạn	0.20	0.50	Ngừng triển khai kể từ ngày 17/12/2025			
Từ 1-3 tuần	0.30	-	-	-							
01 Tháng	4.75	-	-	4.73							
02 Tháng	4.75	-	4.74	4.71							
03 Tháng	4.75	-	4.73	4.69							
04 Tháng	4.75	-	4.72	4.67							
05 Tháng	4.75	-	4.71	4.65							
06 Tháng	6.45	6.40	6.36	6.25							
07 Tháng	6.45	-	6.35	6.22							
08 Tháng	6.05	-	5.95	5.82							
09 Tháng	6.45	6.35	6.32	6.15							
10 Tháng	6.05	-	5.92	5.76							
11 Tháng	6.05	-	5.90	5.73							
12 Tháng	6.65	6.49	6.46	6.24							
15 Tháng	6.45	6.25	6.22	5.97							
18 Tháng	6.45	6.20	6.17	5.88							
24 Tháng	6.45	6.11	6.08	5.71							
36 tháng	5.90	5.47	5.44	5.01							
48 tháng	5.90	5.33	5.31	4.77							
60 tháng	5.90	5.20	5.18	4.56							
V Tiền gửi, tiết kiệm tối ưu				VI Tiết kiệm Tối ưu		VII Tích lũy Đồng Hành					
Kỳ hạn	Lãi cuối kỳ	Lãi tháng	Lãi trước	Lãi trước							
01 Tháng	4.75	-	-	4.73							
02 Tháng	4.75	4.74	4.71	4.69							
03 Tháng	4.75	4.73	4.69	4.67							
06 Tháng	6.50	6.41	6.25	6.22							
07 Tháng	6.50	6.40	6.22	6.15							
08 Tháng	6.50	6.38	6.15	6.08							
09 Tháng	6.50	6.36	6.08	6.01							
12 Tháng	6.70	6.50	6.24	6.15							
15 Tháng	6.50	6.27	5.97	5.88							
18 Tháng	6.50	6.22	5.88	5.71							
24 Tháng	6.50	6.13	5.71	5.44							

B. TIỀN GỬI USD VÀ NGOẠI TỆ KHÁC

Lãi suất: 0.00%/ năm cho tất cả các kỳ hạn

Ghi chú:

- Lãi được tính trên số ngày thực tế và cơ sở tính lãi là 365 ngày.
- Thời hạn tính lãi: được xác định từ ngày BVBank nhận tiền gửi đến hết ngày liền kế trước ngày thanh toán hết khoản tiền gửi (tính ngày đầu, bỏ ngày cuối của thời hạn tính lãi).
- Đối với tiền gửi trực tuyến: nếu khách hàng đăng ký phương thức trích tự động để gửi thì áp dụng kỳ hạn 1, 3, 5, 7 tháng, lãi cuối kỳ.
- Đối với 1 số khách hàng đáp ứng các điều kiện nhất định theo quy định của BVBank có thể được áp dụng một mức cộng thêm so với biểu lãi suất niêm yết (mức cộng thêm dao động từ 0,2% - 2,5%/năm tùy theo từng kỳ hạn, chương trình triển khai và được BVBank phê duyệt theo từng trường hợp cụ thể). Lãi suất áp dụng đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN và quy định của BVBank trong từng thời kỳ.